TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trương Hoàng Diệu**

Ông **Danh Hưởng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 148/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn B** – sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Hồ Thị L** - sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Đặng Văn B và chị Hồ Thị L sống chung năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Do đời sống chung có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, nên anh B đã không sống chung với chị L từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, hiện tại anh B không còn tình cảm với chị L, nên yêu cầu ly hôn chị Hồ Thị L;

- Về con: Anh B và chị L có 01 con chung là cháu Đặng Thị T V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020. Hiện tại cháu V đang sống chung chị L, anh B yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn; Do anh B có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con, nên anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh xác định anh B và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Chị L trình bày thống nhất với trình bày của anh B về hôn nhân. Chị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B.

- Về con chung: Chị L và anh B có 01 con chung là cháu Đặng Thị T V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020, cháu V đang sống chung chị L. Chị L không đồng ý giao con cho anh B nuôi mà yêu cầu được quyền nuôi con chung khi ly hôn. Chị L xác định chị có thu nhập ổn định và đủ khả năng tự nuôi con, nên không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho anh Đặng Văn B ly hôn chị Hồ Thị L;

+ Về con: Giao cháu Đặng Thị T V - sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020 cho chị L trực tiếp nuôi khi ly hôn; Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được quyền cản trở.

+ Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Về án phí: Buộc anh B phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Hồ Thị L là bị đơn và có nơi cư trú tại huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Đặng Văn B và chị Hồ Thị L tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn; Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh B yêu cầu ly hôn chị L và chị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B, nên Hội đồng xét xử căn cứ và các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B, anh B được ly hôn chị L.

[4] Về con chung:

4.1. Về quyền trực tiếp nuôi con: Anh B và chị L tranh chấp quyền nuôi con chung đối với cháu Đặng Thị T V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020. Hội đồng xét xử xét thấy, cả anh B và chị L đều đủ điều kiện nuôi con, không ai bị hạn chế về quyền nuôi con. Tuy nhiên, ngoài điều kiện kinh tế thì cần xem xét thêm các điều kiện khác; Do cháu V là bé gái và còn nhỏ, nên cần thiết có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, đồng thời cháu V cũng đang có cuộc sống chung ổn định với chị L, để đảm bảo đời sống của cháu V không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh B và chị L đều xác định vợ, chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc Đặng Văn B chịu án phí số tiền 300.000đ, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Chị Hồ Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn B được ly hôn chị Hồ Thị L.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của anh B và chị L là cháu Đặng Thị T V - sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020 cho chị L trực tiếp nuôi khi ly hôn. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc anh Đặng Văn B phải chịu án phí số tiền 300.000đ, anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0012648 ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Chị Hồ Thị L không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; Viên kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phan Thị Đang

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.